

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ⁽¹⁾

TRẦN ANH TUẤN *

Tóm tắt: Bài viết phân tích, luận giải về chính sách của Đảng đối với pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong bối cảnh tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xác định những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động tới lĩnh vực tư pháp dân sự và khả năng ứng dụng những thành tựu này trong việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu này, bài viết phân tích triết lý, kinh nghiệm của Pháp, Đức, Liên minh châu Âu trong việc pháp lý hoá các vấn đề kỹ thuật, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ khoá: Pháp luật tố tụng dân sự; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Cách mạng 4.0; giao dịch điện tử; dữ liệu điện tử; xét xử trực tuyến

Nhận bài: 15/10/2021

Hoàn thành biên tập: 12/01/2022

Duyệt đăng: 12/01/2022

VIETNAM'S CIVIL PROCEDURE LAW IN THE CONTEXT OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

Abstract: The article analyzes and interprets the Party's policies towards Vietnam's civil law in the context of the impact of the Fourth Industrial Revolution as well as identifying the achievements of the Fourth Industrial Revolution that have an impact on the civil justice field and the applicability of these achievements in refining Vietnam's civil procedure law. On the basis of these research results, the article analyzes the philosophy and experiences of France, Germany and the European Union in the legalization of technical issues, thereby proposing solutions to improve the legal system. Vietnam's civil procedure law meets the requirements of the Fourth Industrial Revolution.

Keywords: Civil procedure law; The Fourth Industrial Revolution; Revolution 4.0; electronic transactions; electronic data; online trial

Received: Oct 15th, 2021; Editing completed: Jan 12th, 2022; Accepted for publication: Jan 12th, 2022

1. Chủ trương, chính sách của Đảng về pháp luật tố tụng dân sự trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: trananhtuan@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp cơ sở “Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng khoa học công nghiệp 4.0”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021.

đặt ra nhiệm vụ “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia... hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước”.⁽²⁾

(2). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương

Nhiệm vụ trên đòi hỏi phải tiếp cận, nghiên cứu về thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (sau đây gọi tắt là Cách mạng 4.0) và kinh nghiệm trong việc ứng dụng thành tựu này trong pháp luật tổ tụng dân sự của các nước phát triển để tiếp thu, hoàn thiện pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nghiên cứu tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng cho thấy việc hoàn thiện pháp luật tổ tụng dân sự trong bối cảnh Cách mạng 4.0 phải đáp ứng yêu cầu “*xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*”; “*bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân*”; “*nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của toà án nhân dân*”; “*giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định...*”.⁽³⁾ Để hiện thực hoá các yêu cầu này cần phải nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cách mạng 4.0 trong tổ tụng dân sự nhằm bảo đảm tính mềm dẻo và hiệu quả của thủ tục tố tụng thông qua việc đơn giản hoá thủ tục và rút ngắn thời hạn tố tụng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý nhưng đồng thời phải tôn trọng các quyền tố tụng căn bản như quyền tiếp cận thông tin về vụ việc, quyền biện hộ, tham gia tố tụng và tranh tụng trước một toà án độc lập, khách quan.

Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, 2021, tr. 200 - 201.

(3). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, tldđ, tr. 177 - 178.

Thiết nghĩ, thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 cần được tiếp cận dưới góc độ là phương tiện để hiện thực hoá chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp của Đảng. Theo góc độ này, các yêu cầu về xây dựng một thủ tục tố tụng tư pháp dân sự chuyên nghiệp, hiện đại, thuận tiện cho dân, hiệu lực, hiệu quả, kịp thời có thể được hiện thực hoá thông qua ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0. Ngược lại, việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một thủ tục tố tụng tư pháp dân sự “*công bằng, nghiêm minh, liêm chính...*”, “*tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân...*”, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ thể.

Ngoài ra, những yếu tố hợp lý trong đường lối của Đảng về cải cách tư pháp trong các văn kiện trước đây cần được tiếp tục kế thừa và phát triển, đặc biệt là yêu cầu về “*Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện*”;⁽⁴⁾ “*Đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý*”.⁽⁵⁾ Cần nghiên cứu những tiến triển gần đây của khoa học tố tụng thế giới dưới tác động của Cách mạng 4.0, từ đó “*tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động*

(4). Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, tr. 5.

(5). Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tr. 3, 4.

hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai”.⁽⁶⁾

2. Khả năng ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tổ tụng dân sự

Cuộc Cách mạng 4.0 kế thừa toàn bộ thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó dựa trên nền tảng là các công nghệ mới - công nghệ thông minh nhằm giúp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, quản trị được thực hiện theo những cách thức mới vượt trội hơn hẳn về sự hiệu quả và mức tối ưu. Cụ thể là cuộc Cách mạng 4.0 dựa trên những công nghệ nền tảng như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), điện toán đám mây (cloud computing), công nghệ in 3D, thiết bị tự lái, thế hệ mạng di động thứ năm (5G)⁽⁷⁾:

Theo một số nhà nghiên cứu thì mạng lưới internet kết nối vạn vật hình thành nên một thế giới trong đó tất cả mọi đồ vật, con người đều được kết nối với nhau, đều có thể trao đổi dữ liệu, thông tin tác động đến nhau qua một mạng duy nhất. Điện toán đám mây là loại hình dịch vụ lưu trữ dữ liệu trên máy tính, theo đó các chương trình phần mềm, dữ liệu và dịch vụ khai thác dữ liệu sẽ được đặt tại các máy chủ ảo trên Internet để mọi người kết nối khi cần, cho phép người sử dụng được quyền truy cập vào máy chủ, bộ nhớ, cơ sở dữ liệu và hàng loạt ứng dụng trên Internet.⁽⁸⁾

Nghiên cứu cho thấy nhà lập pháp Việt Nam cần thiết kế các quy định phù hợp khi ứng dụng mạng internet kết nối vạn vật và điện toán đám mây trong tổ tụng dân sự. Việc ứng dụng mạng internet kết nối vạn vật có thể cho phép các toà án tiến hành các buổi làm việc, phiên họp, phiên toà trực tuyến giữa thẩm phán, thư kí toà án, hội đồng xét xử với các đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Các cảm biến có thể cho phép định vị, xác định chính xác vị trí của những người tham gia tổ tụng trong các các buổi làm việc, phiên họp, phiên toà trực tuyến cũng như cho phép nhận dạng, ghi hình các chủ thể tham gia tổ tụng trực tuyến.

Có thể nghiên cứu ứng dụng của mạng internet kết nối vạn vật và điện toán đám mây để đề xuất giải pháp xây dựng dữ liệu hồ sơ các vụ việc của toà án, theo đó toà án có thể số hoá các tài liệu, chứng cứ do mình thu thập được, các tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử được đương sự cung cấp và chuyển lên hệ thống để các bên đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự có thể tiếp cận các tài liệu, chứng cứ này trước khi thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Giải pháp này một mặt giảm bớt được công việc, thời gian của toà án trong việc sao chụp tài liệu, chứng cứ gửi cho các đương sự, mặt khác các đương sự có thể chủ động, dễ dàng thực hiện quyền tiếp cận hồ sơ vụ việc (quyền được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do toà

(6). Nghị quyết số 49-NQ/TW, tđd, tr. 2.

(7). Trần Thị Vân Hoa, *Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, 2019, tr. 27 - 40; Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cường, *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra*, Nxb. Tư pháp, 2019, tr. 11, 12, 14, 15, 17,-20 - 25.

(8). Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cường, tđd, tr. 20-21;

Trần Thị Vân Hoa, tđd, tr. 71.

án thu thập), các toà án có thể giám tài được công việc do không phải cử nhân viên trợ giúp đương sự thực hiện quyền tiếp cận hồ sơ. Đây là yếu tố cốt lõi của một nền tố tụng dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền tiếp cận công lí của công dân. Tuy nhiên, vấn đề cần lưu ý trong lập pháp là cần xác định hợp lí thời điểm chốt hồ sơ trên hệ thống, giới hạn quyền truy cập, tính bảo mật và bảo toàn tính nguyên vẹn của hồ sơ.

Công nghệ chuỗi khối (blockchain) là công nghệ ghi chép và lưu trữ thông tin đặc biệt, theo đó những nội dung được ghi chép sẽ không bao giờ bị thay đổi hoặc tẩy xóa và các thông tin được lưu trữ trên các cơ sở dữ liệu phân tán.⁽⁹⁾ Thiết nghĩ, với những đặc tính của công nghệ chuỗi khối (blockchain) có thể nghiên cứu giải pháp ứng dụng trong bảo mật và xác định tính nguyên vẹn, khách quan của tài liệu, chứng cứ đã được thiết lập cũng như tính bảo mật của hồ sơ, tài liệu đã được tạo ra trên hệ thống.

Trí tuệ nhân tạo (AI) là khoa học tạo ra các thiết bị có hành vi thông minh, hiểu được trí tuệ của con người.⁽¹⁰⁾ Trên thực tế, nhiều phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đã được thực hiện như phần mềm Siri nhận dạng và tương tác với con người thông qua giọng nói được ứng dụng trong điện thoại thông minh của hãng Apple có thể tương tác, giao tiếp với con người bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Phần mềm chuyển giọng nói thành văn bản như Gboard, Laban Key,

Voice to text, Speak and Translate All languages Voice Translator, SpeechTexter...⁽¹¹⁾ Các phần mềm dịch tự động từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác như phần mềm dịch máy của Google cũng là một dạng ứng dụng của AI đang được sử dụng khá rộng rãi trên Internet để hỗ trợ hoạt động giao tiếp giữa người với người ở các quốc gia khác nhau.⁽¹²⁾

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, hoàn thiện các phần mềm chuyển đổi giọng nói, dịch tự động ngôn ngữ có thể hỗ trợ toà án cải thiện tốc độ trong việc ghi các biên bản làm việc, biên bản phiên toà, hỗ trợ dịch thuật. Tuy nhiên, về phương diện lập pháp cần nghiên cứu để thiết kế các quy định về vấn đề này. Trong tương lai, các thẩm phán, luật sư có thể ứng dụng AI trong phân tích tình huống và đưa ra giải pháp pháp lí để giải quyết tình huống một cách nhanh chóng. Giải pháp công nghệ này sẽ hỗ trợ đắc lực cho các thẩm phán, luật sư trong quá trình xác định giải pháp trong các vụ kiện tại toà án.

3. Kinh nghiệm thế giới về ứng dụng công nghệ trong tố tụng dân sự và kiến nghị

Nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của Pháp và Đức là hai quốc gia đầu tàu của Liên minh châu Âu cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tố tụng tư pháp được tiến hành nhằm hiện thực hoá quy định về quyền được xét xử trong một thời hạn hợp lí tại Điều 6 & 1 Công ước châu Âu về quyền con người. Hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia tố tụng tại toà án có thể được cải thiện thông qua việc ứng

(9). Ngô Mạnh Hùng, "Căn bản về blockchain", *Tạp chí Phần mềm và Nội dung số*, số 8/2018, tr. 8 - 14, trích dẫn từ Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cương, *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lí đặt ra*, Nxb. Tư pháp, 2019, tr. 20 - 21.

(10). Trần Thị Vân Hoa, *ttdd*, tr. 99.

(11). <https://techview.vn/phan-mem-chuyen-giong-noi-thanh-van-ban-tieng-viet-tren-may-tinh-laptop-pc>

(12). Think Tank Vinasa, *Việt Nam thời chuyển đổi số*, Nxb. Thế giới, 2019, tr. 141 - 149.

dụng thành tựu của Cách mạng 4.0, trong đó có công nghệ thông tin. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ trong tố tụng dân sự có thể có những tác động nhất định tới việc thực hiện các quyền tố tụng của đương sự, tính công bằng, sự an toàn pháp lí của thủ tục tố tụng dân sự đối với các bên và những người tham gia tố tụng khác, nên việc việc sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình tố tụng tại toà án cần được luật hoá, với các quy định cụ thể, chi tiết trong pháp luật. Việc xây dựng các quy định về vấn đề này phải đáp ứng mục tiêu kép là nhanh chóng, hiệu quả trong thủ tục tố tụng dân sự nhưng phải bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, sự công bằng, an toàn pháp lí của thủ tục tố tụng.

Ở Đức, các nhà lập pháp Đức bắt đầu quy định cụ thể việc sử dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục tố tụng tại toà án (bao gồm cả tố tụng dân sự) vào năm 2001. Công nghệ thông tin có thể được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của tố tụng dân sự bao gồm kiện tụng dân sự, thủ tục không có tranh chấp, thi hành án dân sự, phá sản, thậm chí trọng tài và hòa giải. Công nghệ thông tin có thể được sử dụng trong tất cả các giai đoạn của tố tụng dân sự, đòi hỏi phải xây dựng các quy định liên quan đến công nghệ thông tin về các vấn đề tố tụng khác nhau. Nhà lập pháp Đức đã thông qua điều khoản về ứng dụng công nghệ thông tin trong tố tụng dân sự với những nội dung chủ yếu được điều chỉnh bao gồm, giao tiếp giữa các bên (và/hoặc những người tham gia khác) và toà án, ví dụ: bắt đầu vụ kiện (gửi đơn kiện ra toà), trả lời của bị đơn về đơn khởi kiện..., thẩm quyền tài phán như thỏa thuận về thẩm quyền, trọng tài, hồ sơ toà án, thủ tục phiên

toà, chứng cứ và chứng minh, phán quyết và thủ tục tố tụng dân sự quốc tế như tài phán quốc tế, tổng đạt ở nước ngoài hoặc thu thập bằng chứng ở nước ngoài.

Tác giả Alexander Trunk cho rằng về mặt lí thuyết, công nghệ thông tin có thể được sử dụng trong tố tụng dân sự trên cơ sở luật tố tụng dân sự hiện hành mà không có bất kì quy định đặc biệt nào nhưng điều này sẽ gây mất an toàn pháp lí và thậm chí gây nguy hiểm cho quyền tố tụng của các bên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng hiện tại trong việc phát triển tố tụng dân sự ở Đức và EU là cải thiện hợp tác xuyên biên giới trong EU, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong tố tụng dân sự, tăng cường bảo vệ người tiêu dùng cũng trong lĩnh vực tố tụng, tăng cường sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế (ADR). Xu hướng phát triển mạnh mẽ thứ hai trong tố tụng dân sự ở Đức là đón nhận ứng dụng công nghệ thông tin trong tố tụng dân sự (công nghệ thông tin, tư pháp điện tử). Đây là một phần của chính sách chung nhằm tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong các quan hệ pháp lí và hoạt động tại toà án. Cộng hòa Liên bang Đức đã ban hành nhiều văn bản về vấn đề này như Đạo luật về điều kiện khung đối với dịch vụ thông tin và truyền thông, trong đó có quy định về chữ kí số năm 1997/2001; Chỉ thị về Chữ kí số của Liên minh châu Âu năm 1999, về dịch vụ nhận dạng điện tử (eIDAS) năm 2014; Chỉ thị Thương mại điện tử của Liên minh châu Âu năm 2000; Quy định về Biểu mẫu trong luật tư phù hợp yêu cầu hiện đại năm 2001; Luật Cải cách thủ tục dân sự năm 2001; Đạo luật Cải cách dịch vụ văn bản năm 2001;

Đạo luật Truyền thông tư pháp năm 2005; Luật về Tài khoản điện tử (De-Mail) năm 2011; Luật về Cải thiện giao tiếp điện tử với toà án năm 2014; Đạo luật về Hồ sơ toà án điện tử và cải tiến tư pháp điện tử năm 2017; Pháp lệnh về Khung kĩ thuật về truyền thông điện tử với toà án năm 2017.⁽¹³⁾

Theo tác giả Alexander Trunk thì vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin ở Đức được hình thành dựa trên sự đối thoại lập pháp liên tục giữa các nhà lập pháp Đức và EU. Năm 1997, cơ quan lập pháp của Đức bắt đầu vấn đề này và sau đó là Liên minh châu Âu (EU) vào năm 1999, 2000 đã tạo ra những thay đổi về lập pháp trong Liên minh châu Âu cũng như ở Đức. Nhà lập pháp Đức đã thông qua sắc luật, theo đó việc bắt buộc sử dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục tại toà án sẽ được thực hiện từ năm 2022 và áp dụng chế độ bắt buộc đối với các hồ sơ điện tử toà án chậm nhất là vào năm 2026.

Khởi đầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực pháp lí ở Đức là quy định về chữ kí số (nay là chữ kí điện tử) ở Đức vào năm 1997 và ở cấp độ châu Âu vào năm 1999, từ năm 2001, các nhà lập pháp Đức đã từng bước đưa tư pháp điện tử vào Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) và các văn bản pháp luật khác liên quan. Điển hình

là các điều khoản cho phép sử dụng tài liệu điện tử trong quá trình tố tụng và nộp đơn điện tử (Điều 130 a BLTTDS), dịch vụ điện tử (Điều 174 BLTTDS), sử dụng công nghệ hội nghị truyền hình (hội nghị trực tuyến) trong các phiên toà (Điều 128a BLTTDS), chứng cứ điện tử (Điều 371a BLTTDS). Nhà lập pháp của Đức đã công bố Sắc luật khung về kĩ thuật truyền thông điện tử với toà án năm 2017 và quy định rằng các thủ tục tại toà án nói chung sẽ dựa trên việc sử dụng công nghệ thông tin muộn nhất là vào năm 2026.⁽¹⁴⁾ Các quy định cơ bản về công nghệ thông tin trong BLTTDS Đức bao gồm tài liệu điện tử (§ 130a ZPO), tài liệu điện tử tư pháp (§ 130b ZPO), chữ kí điện tử, chữ kí điện tử nâng cao, chữ kí điện tử đủ tiêu chuẩn, văn bản viết (§ 125, 126 BGB), mẫu văn bản (§ 126b BGB), biểu mẫu điện tử (§ 126a BGB).

Để bảo đảm an toàn pháp lí, bảo mật thông tin, Luật năm 2011 của Đức về thư điện tử (De-Mail) quy định về loại dịch vụ email cụ thể của nhà cung cấp dịch vụ được chứng nhận với các yếu tố bảo mật (nhận dạng khách hàng...) mà không yêu cầu chữ kí điện tử đủ điều kiện. Tất cả mọi người đều có thể mua tài khoản De Mail, mà không phải chỉ dành riêng cho các chuyên gia đặc biệt. Công nghệ thông tin toà án “EGVT” là công nghệ thông tin tương tác dựa trên chương trình riêng để được chia sẻ với người dùng đã

(13). Gesetz zur Einführung der elektronischen Akte in der Justiz und zur weiteren Förderung des elektronischen Rechtsverkehrs vom 5. Juli 2017, Federal Gazette 2017, Part I Nr.45, tr. 2208, https://dejure.org/BGBl/2017/BGBl_I_S_2208; Professor Alexander Trunk - Kiel University, Germany, “E-Justice in Germany” on the international conference “Civil procedure law of European Union, Germany and Vietnam in the current context”, 4 April 2019, tr. 50 - 67.

(14). Gesetz zur Einführung der elektronischen Akte in der Justiz und zur weiteren Förderung des elektronischen Rechtsverkehrs vom 5. Juli 2017, Federal Gazette 2017, Part I Nr.45, tr. 2208, https://dejure.org/BGBl/2017/BGBl_I_S_2208; Professor Alexander Trunk - Kiel University, Germany, tldd, tr. 50 - 67.

đăng kí vì lí do an toàn. Việc giao tiếp với luật sư có thể được thực hiện bằng “hộp thư điện tử luật sư đặc biệt” (beA), được thực hiện bắt buộc vào năm 2017. “Hộp thư luật sư điện tử đặc biệt” (beA) được đề cập trong Điều § 130a subpara.4 nr.2 BLTTDS quy định Phòng luật sư liên bang có nhiệm vụ cài đặt cho mỗi luật sư Đức một hộp thư cụ thể (theo quy định kĩ thuật do Phòng Luật sư đồng ý). Kể từ tháng 9/2018, beA được cung cấp liên tục cho tất cả các luật sư và bắt buộc phải sử dụng giữa các luật sư và toà án chậm nhất ngày 01/01/2022.

BLTTDS Đức cũng có quy định cụ thể về vấn đề giao tiếp giữa các bên và toà án, bao gồm các trao đổi từ các bên (hoặc những người tham gia khác) đến toà án có thể được thực hiện thông qua việc cung cấp “tài liệu điện tử” trong những trường hợp được pháp luật quy định cụ thể (§ 130a ZPO). Trong Đạo luật Cải thiện giao tiếp điện tử với toà án ngày 10/10/2013, nhà lập pháp đã sửa đổi § 130a BLTTDS theo hướng từ ngày 01/01/2018, các tài liệu điện tử có thể được gửi tới các toà án và các tài liệu này phải đáp ứng các yêu cầu kĩ thuật tại Điều § 130a ZPO và quy định trong Pháp lệnh của Chính phủ về Khung kĩ thuật giao tiếp điện tử với toà án năm 2017 với định dạng PDF và các chi tiết cụ thể về an toàn bảo mật.

Theo Đạo luật về Hồ sơ toà án điện tử và cải tiến tư pháp điện tử ngày 05/7/2017, các tệp của toà án điện tử hiện sẽ được thực hiện bắt buộc kể từ ngày 01/01/2026. Hai điều khoản trọng tâm trong BLTTDS liên quan đến hồ sơ toà án điện tử là Điều § 298a BLTTDS về tệp điện tử và Điều 299 về kiểm tra hồ sơ điện tử. Theo đó, hồ sơ toà án về

tranh chấp có thể được lưu giữ dưới dạng tệp điện tử. Việc chấp nhận các tệp điện tử có thể bị hạn chế đối với các toà án hoặc trong thủ tục tố tụng riêng lẻ. Kể từ ngày 01/01/2026, hồ sơ toà án sẽ được lưu giữ dưới dạng tệp điện tử. Mọi tài liệu và hồ sơ khác được nộp trên giấy phải được chuyển sang định dạng điện tử bằng cách thay thế bản gốc. Nếu các tài liệu và hồ sơ vẫn cần thiết ở dạng giấy, chúng phải được lưu trữ ít nhất cho đến khi quá trình tố tụng đã được kết thúc bằng phán quyết có hiệu lực. Tài liệu điện tử phải bao gồm ghi chú về thời điểm và đối tượng mà tài liệu được thay đổi sang định dạng điện tử.

Một yếu tố quan trọng khác của thủ tục toà án điện tử là việc sử dụng công nghệ thông tin trong tiến hành các phiên xét xử. Trong tố tụng dân sự Đức, phiên xét xử là trung tâm của quá trình tố tụng. Từ năm 2001, nhà lập pháp Đức đã đưa vào các quy định § 128a BLTTDS, cho phép ứng dụng công nghệ thông tin để tiến hành xét xử cũng như thu thập bằng chứng theo phương thức trực tuyến. Theo đó, toà án có thể cho phép các bên và luật sư của họ theo yêu cầu hoặc được phép lưu trú tại một địa điểm khác trong quá trình xét xử và thực hiện các hành động trong quá trình tố tụng từ đó. Trong trường hợp này, hình ảnh và âm thanh của phiên xét xử sẽ được phát trong thời gian thực tới địa điểm này và tới phòng xử án. Toà án có thể cho phép nhân chứng, chuyên gia hoặc một bên tranh chấp, theo yêu cầu tương ứng, ở lại một địa điểm khác trong quá trình thẩm tra. Hình ảnh và âm thanh của cuộc kiểm tra sẽ được phát trong thời gian thực đến địa điểm này và đến phòng xử án.

Hình ảnh và âm thanh phát sóng sẽ không được ghi lại...

Điều § 128a BLTTDS Đức còn quy định về sự tham gia của các bên (và luật sư của họ) trong một phiên xét xử từ bên ngoài phòng xử án bằng cách sử dụng công nghệ thông tin, ví dụ: công nghệ hội nghị truyền hình (§ 128 subpara.1 BLTTDS). Mặt khác, § 128a BLTTDS đề cập sự tham gia của nhân chứng, chuyên gia và các bên (với tư cách là người có bằng chứng) từ bên ngoài phòng xử án bằng cách sử dụng công nghệ thông tin. Điều § 128a BLTTDS Đức không cho phép một phiên xét xử hoàn toàn ảo. Điều § 128a BLTTDS Đức đi theo hướng cấm ghi lại phiên xét xử hoặc thu thập bằng chứng (§ 128 tiểu đoạn 3 BLTTDS) với lập luận bảo đảm tính độc lập và tự nhiên của việc đưa ra bằng chứng. Điều §128a BLTTDS không giải quyết cụ thể vấn đề công khai hoặc quyền riêng tư của phiên xét xử nhưng ít nhất việc thu thập bằng chứng không được công khai theo BLTTDS (§ 357 BLTTDS). Các chi tiết kỹ thuật của hội nghị truyền hình công nghệ thông tin không được quy định trong § 128a BLTTDS và để cho các toà án tự quyết định.

Ở Đức cũng như ở Việt Nam, câu hỏi đặt ra đối với nhà lập pháp là loại bằng chứng dựa trên công nghệ thông tin nào có thể được chấp nhận trong quá trình tố tụng (ví dụ: email, ảnh, video), chúng có thể có đặc trưng nào so với các loại bằng chứng truyền thống và việc thu thập, đánh giá bằng chứng đó có những điểm đặc biệt nào cần phải xem xét hay không. Về nguyên tắc thì bất kì dữ liệu điện tử nào cũng như bất kì hoạt động nào liên quan đến dữ liệu đó đều có thể là

bằng chứng có thể chấp nhận được trong luật tố tụng dân sự của Đức. Tuy nhiên, việc đánh giá các bằng chứng đó có thể khó khăn, vì nó thường đòi hỏi kiến thức và hiểu biết kỹ thuật cụ thể. Ở Đức, thẩm phán có thể cần một chuyên gia để trợ giúp trong việc đánh giá các bằng chứng đó. Có thể tham khảo kinh nghiệm này trong việc thiết lập quy định về tham vấn chuyên gia công nghệ cũng như nghiên cứu xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ hỗ trợ các thẩm phán tại Việt Nam. Ngoài ra, có thể tham khảo quy định tại Điều § 371a và Điều § 371b BLTTDS Đức về giá trị chứng minh của các tài liệu, hồ sơ điện tử hoặc tài liệu công khi xây dựng các điều khoản tương ứng ở Việt Nam. Điều § 371a và § 371b BLTTDS Đức đều quy định về giá trị chứng minh của tài liệu điện tử, Điều § 371a BLTTDS với tài liệu cá nhân, Điều § 371b với tài liệu công (tài liệu do cơ quan công quyền hoặc người được công chúng tin nhiệm như công chứng viên). Các quy định này đi theo hướng nếu các yêu cầu kỹ thuật nhất định được đáp ứng, các quy định về độ tin cậy, giá trị chứng minh của chứng cứ, tài liệu theo quy định tại Điều § 415 - 444 BLTTDS Đức sẽ được áp dụng.⁽¹⁵⁾

(15). Điều § 371a BLTTDS quy định về giá trị chứng minh của các tài liệu điện tử:

"(1) Các quy tắc liên quan đến giá trị chứng minh của hồ sơ và tài liệu cá nhân sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp cho các tài liệu điện tử riêng tư có chữ kí điện tử đủ điều kiện. Sự xuất hiện của tính xác thực của một tuyên bố có sẵn dưới dạng điện tử, như được thu thập theo quy định về chữ kí, chỉ có thể bị nghi ngờ bởi những sự kiện làm phát sinh nghi ngờ nghiêm trọng về việc tuyên bố đã được đưa ra bởi người nắm giữ khóa chữ kí.

(2) Trường hợp một cá nhân đã đăng kí an toàn cho tài khoản "De-Mail" chỉ được chỉ định cho cá nhân

Kết quả nghiên cứu cho thấy ở Pháp việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng đã được thực hiện trong lĩnh vực chứng cứ, tổng đạt điện tử và xử trực tuyến. Sắc luật số 2005-1678 ngày 28/12/2005 đã thiết lập Chương XXI trong BLTTDS Pháp các quy định từ Điều 748-1 tới Điều 748-6. Các quy định này cho phép từ 01/01/2009,⁽¹⁶⁾ “việc gửi, chuyển phát và thông báo các văn bản, tài liệu tố tụng, thông báo, cảnh cáo, triệu tập, báo cáo, biên bản cũng như các bản sao và bản sao y bản chính có chứng thực có hiệu lực thi hành của các quyết định tư pháp có thể được thực hiện dưới dạng điện tử theo các điều kiện và thể thức đã được ấn định tại chương này”.

Tiếp theo đó, các quy định pháp lí về giao dịch tư pháp được hoàn thiện thêm bởi

đó (mục 4 (1) của Đạo luật De-Mail), thì sự xuất hiện của người phục vụ tính xác thực trên một tin nhắn điện tử được gửi từ tài khoản này (Tài khoản De-Mail), do kết quả của việc xác minh xác thực người gửi theo mục 5 (5) Đạo luật De-Mail, sẽ chỉ được đưa ra nghi vấn bởi các sự kiện làm phát sinh nghi ngờ nghiêm trọng về thư có nội dung đó đã được gửi bởi người đó.

(3) Về văn bản điện tử của cơ quan công quyền”.

- Điều § 371b BLTTDS quy định về giá trị chứng minh của hồ sơ hoặc tài liệu công:

“Các quy tắc liên quan đến giá trị chứng minh của hồ sơ và tài liệu công sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp đối với hồ sơ hoặc tài liệu công đã được chuyển đổi, sử dụng công nghệ hiện đại, thành tài liệu điện tử bởi cơ quan công quyền hoặc một cá nhân hoặc tổ chức được giao với sự tin cậy của công chúng, và khi có xác nhận rằng tài liệu điện tử là bản sao đúng và chính xác của tài liệu gốc, cả về hình ảnh và nội dung của nó. Khi tài liệu và xác nhận có chữ kí điện tử đủ điều kiện, Điều § 437 [giả định về tính xác thực] sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp”.

(16). Cecile Chainais, Frédérique Ferrand, Lucie Mayer, Serge Guinchard (2019), *Droit interne et européen du procès civil*, 34e édition Dalloz, tr. 678,

Sắc luật số 2015-282 ngày 11/3/2015 về đơn giản hoá thủ tục tố tụng dân sự đối với giao dịch điện tử và giải quyết tranh chấp bằng thiết chế ngoài toà án. Theo quy định tại Điều 748-2 BLTTDS Pháp thì người nhận văn bản phải có sự thể hiện rõ ràng ý chí đồng ý sử dụng giao dịch bằng phương thức điện tử (Điều 748-2) nhưng từ Sắc luật số 2015-282 ngày 11/3/2015 sự tham gia của người trợ giúp tư pháp hỗ trợ, đại diện của đương sự vào mạng giao dịch điện tử đáp ứng các điều kiện về bảo mật, xác định danh tính theo quy định tại Điều 748-6 BLTTDS cũng được coi là đồng ý sử dụng giao dịch bằng phương thức điện tử.⁽¹⁷⁾ Ngoài ra, Điều 748-7 đã thiết lập một cơ chế để bảo vệ trong trường hợp có nguyên nhân khách quan làm cho giao dịch không được thực hiện được trong thời hạn dự kiến bằng cách cho phép gia hạn thời hạn tới ngày làm việc tiếp theo.⁽¹⁸⁾

BLTTDS Pháp được sửa đổi ngày 01/01/2021 đã có những quy định về tổng đạt, trong đó có các quy định về tổng đạt bằng phương tiện điện tử tại Điều 692-1 BLTTDS. Kết quả nghiên cứu so sánh cho thấy, cũng như các nhà lập pháp Đức, nhà lập pháp của Pháp đã căn cứ vào thực tiễn công nghệ của đất nước, điều kiện của người dân để có những cân nhắc giữa việc ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm các quyền tố tụng căn bản của đương sự. Theo đó, giao dịch điện tử với toà án chỉ có thể được thực hiện với sự đồng ý rõ ràng của đương sự (Điều 748-2 BLTTDS Pháp).

(17). Cecile Chainais, Frédérique Ferrand, Lucie Mayer, Serge Guinchard (2019), tldd, tr. 679, 680.

(18). Cecile Chainais, Frédérique Ferrand, Lucie Mayer, Serge Guinchard (2019), tldd, tr. 678.

BLTTDS Pháp đã xây dựng các quy định về việc nhận văn bản điện tử và giá trị pháp lý của các thông báo nhận điện tử và chỉ rõ *“Trong trường hợp giao dịch bằng phương tiện điện tử, các quy định của Bộ luật này về giao dịch bằng bản sao và bản cứng của các văn bản tố tụng và tài liệu được giao hoặc thông báo sẽ không được áp dụng”* (Điều 748-3). Tuy nhiên, nhà lập pháp của Pháp vẫn có những quy định ngoại lệ trong những trường hợp phải đối chiếu bản gốc hoặc bản sao của văn bản tố tụng. Điều 748-4 và 748-5 BLTTDS Pháp đã dự liệu về quyền của thẩm phán và các bên liên quan trong việc yêu cầu xuất trình bản gốc và bản sao y của các quyết định tư pháp: *“Khi một tài liệu đã được thiết lập thành bản gốc dưới dạng văn bản giấy, thẩm phán có thể yêu cầu xuất trình tài liệu đó”* và *“Việc sử dụng liên lạc điện tử không loại trừ quyền của bên liên quan trong việc yêu cầu phải chuyển giao bản sao y bản chính có chứng thực ghi hiệu lực thi hành của các quyết định tư pháp”*. Đây là vấn đề có thể nghiên cứu tham khảo khi xây dựng các quy định về hồ sơ điện tử ở Việt Nam. Ngoài ra, có thể tham khảo quy định về tính bảo mật, độ tin cậy, việc xác định danh tính của chủ thể có giao dịch điện tử, quy định về bảo đảm quyền của các đương sự thông qua việc gia hạn thời hạn gửi văn bản trong trường hợp có nguyên nhân khách quan (Điều 748-6 và Điều 748-7 BLTTDS Pháp).

Để bảo đảm an toàn pháp lý cho đương sự, tính bảo mật và sự thông suốt trong quá trình thực hiện các giao dịch điện tử, BLTTDS Pháp đã có quy định cụ thể về việc đồng ý của đương sự trong sử dụng giao dịch điện tử, việc cung cấp thư điện tử, số điện

thoại và trách nhiệm thông tin của đương sự với toà án về thay đổi thư điện tử, số điện thoại liên lạc, xác định thời điểm được coi là đã nhận được văn bản tố tụng (Điều 748-7, Điều 748-9 BLTTDS Pháp). Đây là kinh nghiệm về sự kết hợp giữa kiến thức công nghệ thông tin và pháp lý trong lập pháp nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho đương sự, tính bảo mật và sự thông suốt trong quá trình thực hiện các giao dịch điện tử có thể nghiên cứu tham khảo trong quá trình xây dựng các quy định tương ứng ở Việt Nam.

Nhà lập pháp của Pháp đã xử lý vấn đề bảo đảm an ninh giao dịch điện tử bằng cách tạo lập các liên kết an toàn, bảo đảm sự toàn vẹn của dữ liệu, xác thực tư cách của người gửi. Các mạng ảo chuyên dụng được thiết lập, bao gồm mạng tư pháp ảo dành cho các thẩm phán, qua phần mềm “COMCi”, mạng luật sư ảo dành cho luật sư với phần mềm “e-barreau”. Từ ngày 01/01/2013, bắt buộc các đơn kháng cáo, giấy ủy quyền, kết luận phải được gửi cho toà phúc thẩm bằng phương tiện điện tử, nếu không sẽ bị từ chối tiếp nhận. Sắc luật số 2017-892 ngày 6/5/2017 đã quy định về giao dịch điện tử bắt buộc trước Toà sơ thẩm thẩm quyền rộng từ ngày 01/9/2019. Từ ngày 9/02/2016, Thông tư hướng dẫn các quy định của Chương XXI quyển I BLTTDS Pháp đối với các toà thương mại đã khởi động một hệ thống mới về giao dịch điện tử, gọi là SECURIGREFFE (Lục sự an toàn) giữa lục sự của các toà thương mại và toàn bộ các đương sự đối tác tham gia tố tụng tại các toà án này ngoài luật sư.⁽¹⁹⁾ Ngoài ra, Điều 4

(19). Cecile Chainais, Fédérique Ferrand, Lucie

Pháp lệnh số 2020-304 ngày 25/3/2020 cũng đã có những điều chỉnh việc áp dụng pháp luật đối với toà án tư pháp trong điều kiện khẩn cấp về y tế.

Thông tư ngày 20/5/2020 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực dân sự trước các toà án cấp phúc thẩm ở Pháp đã thay thế hai thông tư cũ từ năm 2010 và 2011. Chương đầu tiên của Thông tư mới này quy định cụ thể những điều kiện về định dạng văn bản tố tụng được giao nộp dưới dạng điện tử (loại tệp, thiết bị lưu trữ...). Chương thứ hai đề cập việc sử dụng hệ thống liên lạc "ComCI CA" bởi các nhân viên của Bộ Tư pháp để xử lý dữ liệu thu thập được. Hệ thống này được hỗ trợ bởi mạng tư pháp nội bộ ảo (RPVJ). Chương thứ ba quy định các điều kiện truy cập của luật sư vào hệ thống giao dịch điện tử thông qua "mạng luật sư ảo" (RPVA) - hệ thống an toàn cho phép tôn trọng tính bí mật và toàn vẹn của thông tin. Chương thứ tư liên quan đến việc thiết lập một hệ thống nhận dạng cho luật sư để đảm bảo tư cách của luật sư (thể nhân). Chương thứ năm đề cập các khía cạnh kỹ thuật của bảo mật truyền tải.

Nghiên cứu cho thấy ở Pháp việc tham gia giao dịch điện tử tại các toà án được thực hiện đối với việc gửi, chuyển phát và thông báo các văn bản, tài liệu tố tụng, thông báo, cảnh cáo, triệu tập, báo cáo, biên bản cũng như các bản sao và bản sao y bản chính có chứng thực có hiệu lực thi hành của các quyết định tư pháp với điều kiện có sự đồng ý của đương sự tham gia giao dịch, riêng đối với người hành nghề như luật sư đại diện, hỗ

trợ đương sự hoặc thừa phát lại thì việc đăng kí tham gia vào hệ thống giao dịch điện tử được coi như đồng ý tham gia vào các giao dịch bằng phương thức điện tử. Tại các toà án cấp phúc thẩm thì việc gửi, chuyển phát và thông báo các văn bản, tài liệu tố tụng bằng phương thức điện tử giữa toà án và đương sự, đại diện của họ... là có tính bắt buộc. Tuy nhiên, việc xét xử trực tuyến hay không phải tuân theo các quy định riêng trong Luật Tổ chức tư pháp và các văn bản liên quan. Việc xét xử trực tuyến có thể được thực hiện theo yêu cầu của một bên đương sự nếu có sự đồng thuận của các đương sự khác hoặc do toà án quyết định theo pháp luật nhưng phải bảo đảm sự công khai minh bạch. Thông thường chủ tọa phiên toà có thể quyết định việc xét xử bằng hình thức trực tuyến trong trường hợp có tình trạng khẩn cấp về y tế do dịch bệnh hoặc do thẩm phán được chỉ định thay thế không thể có mặt để xét xử trực tiếp, trong khi đó vụ án phải được xét xử theo thời hạn do luật định hoặc do bản chất của vụ án yêu cầu. Việc xét xử trực tuyến trong trường hợp thẩm phán được chỉ định thay thế không thể có mặt để xét xử trực tiếp được áp dụng đối với các vụ án liên quan đến lãnh thổ hải ngoại của Pháp tại Saint-Pierre và Miquelon, Wallis và Futuna, Polynésie và Nouvelle - Calédoni.

Các quy định về xét xử trực tuyến tại Điều L111-12 Bộ luật Tổ chức tư pháp của Pháp (được sửa đổi theo Điều 1 Luật số 2011-803 ngày 05/7/2011) có giá trị tham khảo cho việc xây dựng các quy định tương tự ở Việt Nam:

"Trường hợp không trái với quy định riêng của Bộ luật Y tế công cộng, Bộ luật Tổ

Mayer, Serge Guinchard (2019), tldđ, tr. 680 - 682.

tụng hình sự và Bộ luật về Nhập cảnh và lưu trú của người nước ngoài và quyền tị nạn, Chủ tọa phiên toà có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên đương sự với sự đồng thuận của tất cả các đương sự khác quyết định các phiên xét xử tại các toà án tư pháp được tiến hành tại một số phòng xử án được kết nối trực tiếp bằng phương tiện viễn thông nghe nhìn đảm bảo tính bảo mật của việc truyền dẫn.

Một hoặc nhiều phòng xử án này có thể nằm ngoài quản hạt theo lãnh thổ của toà án. Để bảo đảm tính công khai của các cuộc tranh luận tại phiên toà, mỗi phòng xử án đều được mở cửa cho công chúng. Các cuộc nghị án tại phòng của hội đồng xét xử được thực hiện mà không có sự hiện diện của công chúng trong mỗi phòng xử án. Ngoài các trường hợp được quy định tại Điều L. 221-1 và các điều tiếp theo của Bộ luật Di sản thì việc ghi âm, ghi hình là không được phép dù là việc ghi âm, ghi hình này được thực hiện từ một điểm cố định”.

Nghiên cứu Điều L221-1 Bộ luật Di sản Pháp cho thấy các phiên xét xử công khai trước các toà án hành chính hoặc tư pháp có thể được ghi âm, ghi hình theo các điều kiện được quy định tại thiên này trong trường hợp việc ghi âm, ghi hình được thực hiện để xây dựng kho lưu trữ nhật kí tư pháp. Theo các quy định tại Điều L. 221-4 của Bộ luật này thì việc ghi âm, ghi hình sẽ ghi lại toàn bộ diễn biến của phiên xét xử và việc ghi âm, ghi hình được thực hiện với điều kiện không làm ảnh hưởng đến quá trình tranh luận hoặc ảnh hưởng tới quyền biện hộ và được thực hiện từ các điểm cố định. Trường hợp các quy định trên không được tôn trọng, chủ tọa

phiên toà có thể thực thi quyền chủ tọa của mình để phản đối hoặc cho dừng việc ghi âm, ghi hình.

Ngoài các đề xuất đã được phân tích, luận giải ở trên có thể rút ra bài học từ kinh nghiệm lập pháp của Đức, Pháp và Liên minh châu Âu trong ứng dụng công nghệ thông tin trong tư pháp dân sự, trong đó có việc xác định phạm vi điều chỉnh, thiết lập các quy định theo hướng đáp ứng mục tiêu kép là bảo đảm sự thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả nhưng phải bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, sự công bằng, an toàn pháp lí của các bên. Kết quả nghiên cứu so sánh cho thấy các nội dung cốt lõi về ứng dụng công nghệ thông tin cần được quy định trong nội luật Việt Nam bao gồm các giao dịch điện tử giữa toà án và các bên đương sự; vấn đề giá trị chứng cứ và chứng minh; xét xử trực tuyến. Các vấn đề pháp lí cần được cụ thể hoá về chữ kí số; tài khoản điện tử an toàn, tài khoản điện tử nội bộ toà án và luật sư; tài liệu và hồ sơ điện tử, mẫu văn bản điện tử; độ tin cậy, giá trị chứng minh của các tài liệu, hồ sơ điện tử; vấn đề kĩ thuật và pháp lí cụ thể trong xét xử trực tuyến, việc ghi âm và ghi hình tại các buổi làm việc, phiên xét xử; việc bảo mật hay công khai thông tin. Bên cạnh đó, cần tham khảo kinh nghiệm của Đức và Pháp trong việc xác định loại văn bản và cách thức tổng đạt, chuyển giao bằng phương tiện điện tử bảo đảm an toàn pháp lí; cơ chế để bảo đảm quyền tố tụng trong trường hợp giao dịch không được thực hiện vì nguyên nhân khách quan; tính bắt buộc hay tự nguyện trong sử dụng giao dịch điện tử, trách nhiệm thông tin của đương sự với toà án về thay đổi thư điện tử, số điện thoại liên

lạc; quản lí hồ sơ điện tử và những quy định ngoại lệ trong trường hợp phải đối chiếu bản gốc hoặc bản sao của văn bản tố tụng.

Có thể nhận thấy trong quá trình xây dựng BLTTDS năm 2015, nhà lập pháp Việt Nam đã có sự quan tâm nhất định tới sự phát triển của Cách mạng 4.0 như xác định chứng cứ là thông điệp dữ liệu điện tử (Điều 94, Điều 95); thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử (Điều 176); gửi, nhận đơn khởi kiện trực tuyến (Điều 190, Điều 191).⁽²⁰⁾ Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn chưa có những quy định cụ thể về ứng dụng công nghệ trong xét xử trực tuyến đối với những trường hợp đương sự không có điều kiện tham gia tố tụng trực tiếp tại toà án do khoảng cách địa lí hoặc lí do y tế. Bên cạnh đó, các quy định cụ thể về việc thu thập, nghiên cứu, đánh giá chứng cứ điện tử; giá trị pháp lí của việc ứng dụng công nghệ để ghi âm, ghi hình các buổi làm việc với đương sự, phiên chốt chứng cứ, hòa giải, xét xử nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về các sự kiện được thể hiện trong biên bản của toà án cũng chưa được thiết lập.

Mặc dù, Điều 317 BLTTDS năm 2015 của Việt Nam đã hướng tới mục tiêu đơn giản hoá thủ tục và tăng tốc độ giải quyết các “*vu án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ...*” nhưng không có quy định mẫu riêng về đơn khởi

kiện dành cho thủ tục rút gọn được in sẵn hoặc lưu trữ trên hệ thống điện tử như ở châu Âu cũng như chưa ưu tiên áp dụng quy định về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử nhằm đơn giản hoá thủ tục, đẩy nhanh hơn nữa tốc độ giải quyết các vụ án theo thủ tục rút gọn.⁽²¹⁾ Theo quy định tại Điều 24 Quy định (CE) số 1896/2006 của Liên minh châu Âu thì yêu cầu thanh toán nợ được thực hiện bằng cách điền một mẫu đơn có sẵn. Mẫu đơn này được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử tư pháp châu Âu (le portail européen e-Justice) nhằm hỗ trợ đương sự có nhu cầu sử dụng và chữ kí của nguyên đơn hoặc người đại diện của họ có thể là chữ kí tươi hoặc chữ kí điện tử.⁽²²⁾ Thiết nghĩ, việc tham khảo kinh nghiệm của Pháp, Đức và Liên minh châu Âu về ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục ra lệnh sẽ hữu ích cho việc hoàn thiện các quy định về thủ tục rút gọn trong BLTTDS năm 2015 của Việt Nam.⁽²³⁾ Việc thiết lập các quy định về tiếp nhận hồ sơ điện tử, xét xử trực tuyến là cần thiết, góp phần đẩy nhanh tốc độ giải quyết tranh chấp, tiết kiệm được thời gian và chi phí di chuyển

(21). Điều 316 BLTTDS Việt Nam năm 2015 và Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân tối cao, tđđ.

(22). Cécile Chainais, Frédérique Ferrand, Lucie Mayer, Serge Guinchard (2019), tđđ, đoạn 2225, tr. 1577.

(23). Xem thêm: Trần Anh Tuấn, *Thủ tục ra lệnh trong pháp luật tố tụng dân sự của Liên minh châu Âu, Đức, Pháp và thủ tục rút gọn trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Pháp luật tố tụng dân sự Liên minh châu Âu, Đức và Việt Nam trong bối cảnh hiện nay”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tháng 4/2019, tr. 189 - 205.

của đương sự, luật sư đối với những vụ kiện có yếu tố nước ngoài hoặc vì lý do sức khỏe hay phòng chống dịch bệnh.

Để đáp ứng các yêu cầu “*giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định*”⁽²⁴⁾ đòi hỏi các quy định về thời hạn tố tụng phải được rút ngắn một cách hợp lý phù hợp với tính chất khẩn cấp, đơn giản hay phức tạp của vụ việc. Để hiện thực hoá điều này cần hoàn thiện các quy định về gửi, nhận, quản lý yêu cầu tố tụng (đơn khởi kiện, yêu cầu phân tố, yêu cầu độc lập, yêu cầu về biện pháp khẩn cấp tạm thời...); tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; xét xử trực tuyến để bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả của hoạt động tố tụng dân sự.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay thì các thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 như như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), điện toán đám mây (cloud computing) sẽ là phương tiện để bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý, tính kịp thời, hiệu quả của các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chủ thể. Luật thực định Việt Nam hiện nay cũng đã có cái cách đáng kể khi bổ sung nguyên tắc toà án xét xử kịp thời, công bằng, công khai. Theo khoản 1 Điều 15 BLTTDS Việt Nam năm 2015 thì “*toà án nhân dân xét xử kịp thời trong thời hạn do Bộ luật này quy định, bảo đảm công bằng*”. Thiết nghĩ, cần phát triển triết lý về tính hiệu quả của việc bảo vệ quyền lợi trong bối cảnh

Cách mạng 4.0 nhằm hoàn thiện các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin. Theo đó, đối với các trường hợp lợi ích cần được bảo vệ có tính cấp bách, đòi hỏi thời hạn tố tụng cần phải được rút ngắn hoặc gần như phải tiến hành ngay lập tức để bảo đảm hiệu quả của các hành vi tố tụng được tiến hành.⁽²⁵⁾ Do vậy, việc ứng dụng giao dịch bằng phương thức điện tử, quyết định trực tuyến trong những trường hợp này là cần thiết để đáp ứng yêu cầu về tốc độ tiếp nhận, xử lý hồ sơ, ra quyết định và thi hành quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, việc tham khảo kinh nghiệm lập pháp của châu Âu có thể hữu ích cho việc khắc phục những hạn chế trong Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân tối cao về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử. Cụ thể là quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết trên về nguyên tắc giao dịch điện tử theo hướng “*Người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện giao dịch điện tử với toà án kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận của toà án*” chưa đáp ứng yêu cầu về tính hiệu quả đối với những trường hợp phải yêu cầu toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều 12 Nghị quyết này cũng quy định một thời hạn khá dài là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký để toà án chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đăng ký gửi và nhận thông

(24). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII, tldd, tr. 177 - 178.

(25). Trần Anh Tuấn, “Quyền được xét xử bởi một toà án tư pháp dân sự độc lập, khách quan theo một thời hạn hợp lý trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí Luật học*, số 12 (223) tháng 12/2018, tr. 57 - 58.

điệp dữ liệu điện tử với toà án⁽²⁶⁾ không phù hợp với tính khẩn cấp của yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tính nguyên vẹn, khách quan của tài liệu, chứng cứ nên Điều 10 và Điều 19 của Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP nói trên đã đi theo hướng đương sự phải nộp cho toà án tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử trước và sau đó tiếp tục nộp bản chính hoặc bản sao của các tài liệu, chứng cứ này. Điều này dẫn đến trong mỗi vụ việc, toà án có tới 03 bộ dữ liệu về tài liệu, chứng cứ, bao gồm: 01 bộ dữ liệu điện tử, 01 bộ dữ liệu được in ra từ dữ liệu điện tử để lưu hồ sơ và 01 bộ dữ liệu là bản chính hoặc bản sao hợp pháp. Trên thực tế, quy định này nảy sinh bất cập ở chỗ các đương sự sẽ phải có 02 lần nộp tài liệu, chứng cứ cho toà án (01 lần nộp bản điện tử, 01 lần nộp bản chính hoặc bản sao) và toà án sẽ phải lưu giữ tới 02 bộ hồ sơ, tài liệu (01 bộ in ra từ dữ liệu điện tử và 01 bộ là bản chính hoặc bản sao hợp pháp do đương sự nộp). Thực tế này đòi hỏi cần phải nghiên cứu thêm kinh nghiệm lập pháp của Đức và Pháp để

(26). Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử quy định:

“2. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng thực hiện đăng kí gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với toà án bằng cách truy cập vào cổng thông tin điện tử của toà án, điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn đăng kí, kí điện tử và gửi đến toà án qua cổng thông tin điện tử của toà án.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng kí, toà án phải gửi thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đăng kí qua cổng thông tin điện tử của toà án vào địa chỉ thư điện tử đã đăng kí”.

tim kiếm giải pháp hợp lí hơn về ứng dụng công nghệ trong lưu trữ hồ sơ, tài liệu.

Điều 8 Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Toà án nhân dân tối cao cũng đã quy định về thời gian, địa chỉ thực hiện giao dịch điện tử.⁽²⁷⁾ Quy định này đã bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lí của công dân, đặc biệt là vấn đề thời hiệu khởi kiện do người khởi kiện, người tham gia tố tụng được thực hiện các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết. Tuy nhiên, cơ chế để thực hiện quy định này trên thực tế sẽ như thế nào cũng là điều cần được cân nhắc và cụ thể hoá. Cổng thông tin điện tử của toà án có hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết hay không hay chỉ hoạt động trong giờ làm việc hành chính là vấn đề cần được lưu tâm. Ngoài ra, quy định

(27). Điều 8 Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016:

“1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng được thực hiện các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

Sau khi nhận được thông điệp dữ liệu điện tử, cổng thông tin điện tử của toà án tự động gửi thông báo xác nhận giao dịch điện tử thành công đến địa chỉ thư điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng.

2. Ngày gửi thông điệp dữ liệu điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng được xác định là ngày cổng thông tin điện tử của toà án xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu điện tử do người khởi kiện, người tham gia tố tụng gửi đến.

3. Ngày cấp, tổng đạt, thông báo thông điệp dữ liệu điện tử của toà án là ngày cổng thông tin điện tử của toà án xác nhận toà án đã gửi thông điệp dữ liệu điện tử đến địa chỉ thư điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng thành công, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 4 Điều 9 của Nghị quyết này”.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết nói trên về ngày gửi thông điệp dữ liệu điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng và ngày cấp, tổng đạt, thông báo thông điệp dữ liệu điện tử của toà án dường như còn chưa có sự nhất quán và không thuận lợi cho đương sự: Ngày gửi thông điệp dữ liệu điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng được xác định là ngày công thông tin điện tử của toà án xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu điện tử, trong khi đó, ngày cấp, tổng đạt, thông báo thông điệp dữ liệu điện tử của toà án là ngày công thông tin điện tử của toà án xác nhận toà án đã gửi thông điệp dữ liệu điện tử đến địa chỉ thư điện tử của người khởi kiện, người tham gia tố tụng thành công. Điều 9 của Nghị quyết nói trên về xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần được mở rộng hơn trong các trường hợp giao dịch điện tử giữa đương sự, người tham gia tố tụng và toà án không thể thực hiện được do có lý do chính đáng khác như ở khu vực không thể kết nối, đương sự có vấn đề về sức khỏe do tai nạn, ốm đau, phải cách ly do dịch bệnh.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cecile Chainais, Frédérique Ferrand, Lucie Mayer, Serge Guinchard (2019), *Droit interne et européen du procès civil*, 34^e édition Dalloz.
2. Rapport de la Commission au Parlement européen, au Conseil et au Comité économique et social européen sur l'application du règlement (CE) n° 1896/2006, COM (2015) 495 final; Commission Report on the application of Regulation (EC) 1896/2006 creating European order for Payment Procedure;
3. Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Cương, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra, Nxb. Tư pháp, 2019.
4. Trần Thị Vân Hoa, *Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2019.
5. Think Tank Vinasa, Việt Nam thời chuyển đổi số, Nxb. Thế giới, 2019.
6. Alexander Trunk - Kiel University, Germany, "E-Justice in Germany" on the international conference "Civil procedure law of European Union, Germany and Vietnam in the current context", 4 April 2019.
7. Trần Anh Tuấn, *Thủ tục ra lệnh trong pháp luật tố tụng dân sự của Liên minh châu Âu, Đức, Pháp và thủ tục rút gọn trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Kì yếu Hội thảo quốc tế "Pháp luật tố tụng dân sự Liên minh châu Âu, Đức và Việt Nam trong bối cảnh hiện nay", Trường Đại học Luật Hà Nội, tháng 4/2019.
8. Trần Anh Tuấn, "Quyền được xét xử bởi một Toà án tư pháp dân sự độc lập, khách quan theo một thời hạn hợp lý trong tố tụng dân sự", *Tạp chí Luật học*, số 12 (223) tháng 12/2018.
9. Code de procédure civile, édition Précis Dalloz 2021.
10. Gesetz zur Einführung der elektronischen Akte in der Justiz und zur weiteren Förderung des elektronischen Rechtsverkehrs vom 5. Juli 2017, Federal Gazette 2017, Part I Nr. 45, https://dejure.org/BGBI/2017/BGBl_I_S_2208